UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 13 /CT-CT	*Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 9 năm 2014*

CHỈ THỊ
Về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 5318/BKHĐT-TH ngày 15/8/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi tắt là các sở, ngành, địa phương) triển khai đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 5 năm 2011-2015 và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 như sau:

A. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015.

Căn cứ vào các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, định hướng phát triển trong Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, kế hoạch đầu tư phát triển các năm 2011 - 2015, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện, thành, thị, trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2011 - 2013, ước thực hiện năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015, các sở, ngành và địa phương đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 của sở, ngành và địa phương quản lý phân theo từng nguồn vốn cụ thể; bao gồm: kế hoạch đầu tư nguồn NSNN; nguồn thu được để lại cho đầu tư theo quy định nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước (nguồn thu xổ số kiến thiết, các khoản thu phí, lệ phí để lại cho đầu tư,...); vốn trái phiếu Chính phủ; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Trong báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công cần báo cáo phân tích sâu các nội dung sau:

1. Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch, ngành, lĩnh vực, chương trình dự án theo từng nguồn vốn so với kế hoạch được duyệt, bao gồm: tình hình phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn hàng năm, triển khai thực hiện, kết quả giải ngân, hoàn trả các khoản vốn ứng trước, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản,...; số lượng dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu; số lượng dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt; tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế khác để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công;...

2. Cơ cấu đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng các nguồn vốn khác nhau trong giai đoạn 2011 - 2015.

3. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý đầu tư công trong giai đoạn 2011 - 2015, trong đó làm rõ việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý đầu tư công trước thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 và sau khi triển khai thực hiện Chỉ thị này.

4. Các kết quả đầu tư công đã đạt được, như: năng lực tăng thêm, nâng cao chất lượng dịch vụ công,... và những tác động tới việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 của cả tỉnh và của sở, ngành, địa phương; việc quản lý và sử dụng các dự án đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 đã hoàn thành và bàn giao đi vào sử dụng.

5. Các khó khăn, vướng mắc và các tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện; phân tích sâu sắc các nguyên nhân khách quan và chủ quan; trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

6. Các giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách đến hết kế hoạch 5 năm 2011 - 2015.

II. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

Các sở, ngành và địa phương, tổ chức lập kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 nguồn vốn NSNN; Kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước; Kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ; Kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; Kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu chính quyền địa phương; Kế hoạch đầu tư vốn vay khác của ngân sách địa phương và Kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo các quy định dưới đây:

1. Các căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn theo từng nguồn vốn

a) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 (bao gồm kế hoạch các năm 2011, 2012, 2013 và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2014 - 2015) theo từng nguồn vốn quy định tại mục I, phần A nêu trên.

b) Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, ngành, lĩnh vực và địa phương; mục tiêu ưu tiên đầu tư trong kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, ngành, lĩnh vực, địa phương; Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 3/5/2012 của BCH Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; Chương trình hành động số 614/CTr-UBND ngày 17/2/2014 về triển khai đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình theo hướng nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020.

c) Các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

d) Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn và theo ngành, lĩnh vực, chương trình.

e) Về cân đối nguồn vốn đầu tư công: Dự kiến cân đối các nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

- Vốn đầu tư từ NSNN:

Tổng chi đầu tư phát triển nguồn NSNN của cả tỉnh: bảo đảm chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước ở mức hợp lý; trước mắt trong lập kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020, dự kiến như sau:

+ Vốn đầu tư từ NSNN của các sở, ngành tương đương so với kế hoạch năm 2014 đã giao (bao gồm cả các chương trình nghị quyết thuộc ngành quản lý).

+ Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách của các huyện, thành, thị (không bao gồm tiền thu sử dụng đất): trong năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước tương đương năm 2014, trong các năm sau căn cứ vào tình hình và triển vọng phát triển kinh tế xác định cụ thể sau nhưng phấn đấu giữ mức ổn định và tương đương năm 2014.

+ Nguồn thu từ đất các địa phương xác định trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch đấu giá QSD đất, tiến độ nộp tiền sử dụng đất các dự án trên địa bàn và cơ chế phân cấp nguồn thu theo Nghị quyết HĐND tỉnh;

- Đối với vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương: giao Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nguồn thu để lại căn cứ vào tình hình và triển vọng phát triển kinh tế và nguồn thu, để dự kiến cụ thể, phấn đấu tốc độ tăng đạt 12 - 15%/năm so với kế hoạch năm trước.

- Vốn trái phiếu Chính phủ; cân đối trên cơ sở nguồn vốn trái phiếu Chính phủ Thủ tướng Chính phủ đã giao bổ sung cho giai đoạn 2014 - 2016.

- Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước: dự kiến tốc độ tăng trưởng khoảng 8%/năm so với kế hoạch năm trước.

- Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giao Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng Ban quản lý ODA phối hợp với các cấp, các ngành căn cứ kế hoạch vận động ODA, các văn bản ghi nhớ hoặc kết luận tại các buổi làm việc trực tiếp với nhà tài trợ, dự kiến mức vốn, danh mục dự án ODA triển khai trong giai đoạn 2016-2020 làm căn cứ xây dựng kế hoạch;

- Các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương: không vượt quá tổng mức huy động theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Giao Sở Tài chính căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ: dự kiến các nguồn thu từ đất, NS khác chưa đưa vào cân đối ngân sách và nguồn vốn vay tín dụng đầu tư hàng năm của giai đoạn 2016-2020 làm cơ sở, đồng thời hướng dẫn các ngành cấp, ngành xác định nguồn để bố trí kế hoạch xong trước ngày 30/9/2014

g) Dự báo tác động của tình hình thế giới và trong nước đến sự phát triển và khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư.

h) Cơ chế và chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020

a) Nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030, Quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực, địa phương.

b) Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư của tỉnh và thu hút các nguồn vốn xã hội hóa đầu tư khác;

c) Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, các dự án thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia nông thôn mới; hoàn trả các khoản vốn NSNN ứng trước kế hoạch; các khoản vốn vay ngân sách địa phương. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

d) Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch năm 2015 và kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020.

e) Từ năm 2015 trở đi, các cấp, các ngành phải quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công, không để phát sinh thêm nợ đọng xây dựng cơ bản.

f) Trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020, dự kiến dự phòng khoảng 15% ở các cấp ngân sách để xử lý các biến cố do trượt giá, đầu tư các dự án khẩn cấp, các vấn đề phát sinh theo quy định của Luật Đầu tư công trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn vào từng năm cụ thể.

g) Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế chính sách;

3. Rà soát danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 chuyển tiếp và các dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020

a) Rà soát danh mục dự án chuyển tiếp đang được đầu tư từ vốn đầu tư công

- Các dự án thuộc đối tượng rà soát là các dự án đang được đầu tư trong kế hoạch đầu tư công đã được duyệt, được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư;

- Các sở, ngành và địa phương tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án đang đầu tư theo từng nguồn vốn; chia ra nhóm các dự án: (1) Danh mục dự án hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn (*trong đó phân ra dự án hoàn thành đã quyết toán và dự án hoàn thành đã cấp vốn đủ 80% nhưng chưa quyết toán và dự án hoàn thành chưa cấp vốn đủ 80% dự toán*); (2) Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015; (3) Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020; (4) Danh mục dự án hoàn thành sau năm 2020.

b) Rà soát danh mục các dự án khởi công mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực nhưng chưa được bố trí vốn

Các sở, ngành và địa phương tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án khởi công mới theo từng nguồn vốn phân loại như sau:

- Dự án quan trọng điểm của tỉnh đã được phê duyệt dự án đầu tư.

- Dự án đã có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và cân đối vốn giai đoạn 2016 - 2020 để thực hiện.

- Dự án chưa có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với các dự án này, phải thực hiện việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Danh mục các dự án khởi công mới (không bao gồm các dự án quy định tại tiết b nêu trên) dự kiến bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020: Các sở, ngành và địa phương dự kiến danh mục và chuẩn bị các hồ sơ, thủ tục gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

4. Xác định số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

a) Các sở, ngành và địa phương rà soát báo cáo tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án đầu tư công theo từng nguồn vốn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.

b) Các sở, ngành và địa phương để phát sinh các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 (sau thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành) bị xử lý vi phạm theo các quy định tại Luật Đầu tư công.

5. Lập danh mục và bố trí vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 cho các dự án đầu tư công

a) Trên cơ sở các căn cứ và các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại điểm 1 và 2 của Mục II này, các sở, ngành và địa phương lựa chọn danh mục và bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn của từng nguồn vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn, trong đó:

+ Dự án hoàn thành đã quyết toán;

+ Dự án hoàn hành nhưng chưa quyết toán, chưa bố trí vốn đủ 80% dự toán.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015.

- Vốn đối ứng cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.

- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 chuyển sang giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Dự án khởi công mới phải đáp ứng các quy định sau:

+ Sau khi đã xử lý thanh toán dứt điểm các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014;

+ Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và các dự án thuộc đối tượng quy định tại tiết b điểm 3 trên đây (do Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, do đó yêu cầu các sở, ngành và địa phương khẩn trương chuẩn bị các hồ sơ cần thiết ngay trong năm 2014 đối với các dự án khởi công mới dự kiến triển khai trong giai đoạn 2016 - 2020, để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư từ ngày 01 tháng 01 năm 2015);

+ Bảo đảm bố trí đủ vốn giai đoạn 2016 - 2020 để hoàn thành chương trình, dự án theo tiến độ đầu tư đã được phê duyệt.

b) Đối với các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sử dụng vốn NSNN, bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương; vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn đầu tư công khác nhưng không bố trí được kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020, cần rà soát phân loại và xử lý như sau:

- Nhóm 1: Đối với các dự án có khả năng chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác.

Các sở, ngành, địa phương tiến hành rà soát, phân tích và lập danh mục các dự án có khả năng chuyển đổi sang đầu tư theo hình thức hợp tác công tư hoặc các hình thức đầu tư khác, bao gồm: các dự án có thể thu phí để hoàn vốn đầu tư; các dự án có thể thanh toán bằng quyền sử dụng đất; các dự án có thể bán hoặc chuyển nhượng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Việc chuyển đổi hình thức các dự án đang được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, các nguồn vốn đầu tư công khác nhưng không đủ nguồn bố trí tiếp kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, các sở, ngành và địa phương phải có kế hoạch, chương trình tổ chức kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào từng dự án cụ thể. Đề xuất phương án xử lý số vốn NSNN, vốn trái phiếu Chính phủ, các nguồn vốn đầu tư công khác đã bố trí cho các dự án chuyển đổi theo hướng: Nhà nước rút toàn bộ vốn đã đầu tư vào dự án, hoặc góp phần vốn đã đầu tư cùng doanh nghiệp để tiếp tục đầu tư dự án và cùng khai thác, hoặc chuyển toàn bộ vốn đã đầu tư vào dự án cho chủ đầu tư mới.

- Nhóm 2: Đối với các dự án không thể chuyển đổi được sang các hình thức đầu tư khác, các sở, ngành, địa phương chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.

- Nhóm 3: Các dự án đầu tư thật sự không hiệu quả thì không bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

c) Đối với kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ: Việc bố trí vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012 - 2015 và bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014 - 2016 đã được Chính phủ giao cụ thể. Hiện nay chưa có chủ trương mở mới các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016 - 2020. Do đó, các sở, ngành và địa phương chỉ tổng hợp danh mục các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ hoàn thành sau năm 2015, được bổ sung giai đoạn 2014 - 2016.

d) Đối với kế hoạch vốn trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vốn vay của ngân sách địa phương: việc bố trí vốn kế hoạch thực hiện theo quy định nêu trên, nhưng danh mục dự án phải thuộc danh mục các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương. Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020 nguồn vốn này phải phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư ngân sách địa phương 5 năm 2016 - 2020 và hoàn trả đúng hạn các khoản vốn vay.

B. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 VÀ XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Các cơ quan được giao là chủ chương trình, các sở, ngành, địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (Chương trình Hạ tầng huyện mới chia tách; Chương trình đê sông; Chương trình phát triển kinh tế -xã hội vùng) tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các chương trình theo các nội dung dưới đây:

1. Tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015.

2. Tình hình phân bổ và giao vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2014; tình hình lồng ghép giữa các chương trình; tình hình huy động nguồn lực và lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chương trình giai đoạn 2011 - 2014 và dự kiến năm 2015.

3. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011 - 2015.

4. Các kết quả đạt được, trong đó làm rõ kết quả đạt được các mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các khó khăn, vướng mắc và các tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện, làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

5. Các giải pháp, cơ chế liên quan đến hết kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 nhằm thực hiện, tốt các mục tiêu của các chương trình đã đề ra.

II. DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Theo chỉ đạo chung của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan được giao là chủ chương trình đề xuất các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 theo nguyên tắc sau:

1. Giai đoạn 2016 - 2020 chỉ thực hiện 2 chương trình mục tiêu quốc gia là Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Chương trình mục tiêu trong giai đoạn 2016 - 2020 theo hướng lồng ghép các chương trình có cùng mục tiêu, nhiệm vụ và không quá 2 chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020. Tuy nhiên, để chủ động dự án đăng ký với Chính phủ (khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có hướng dẫn cụ thể), các sở, ngành, địa phương tiếp tục đăng ký theo các chương trình đã thực hiện trong giai đoạn 2011-2015.

3. Các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu dự kiến triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 phải bảo đảm:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực.

b) Được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia phải được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư chậm nhất trong kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII; các chương trình mục tiêu sử dụng vốn ngân sách Trung ương phải được Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

c) Cân đối nguồn vốn đầu tư công và huy động được các nguồn vốn khác để thực hiện chương trình.

d) Việc phân bổ vốn các chương trình, dự án phải thực hiện theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Phải xây dựng được các giải pháp, chính, sách để thực hiện chương trình.

3. Đối với các chương trình, nghị quyết của HĐND tỉnh:

Giao các Sở, ban, ngành được giao chủ trì thực hiện chương trình, Nghị quyết HĐND tỉnh tổ chức rà soát lại các nghị quyết dở dang chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020, đề xuất điều chỉnh hoặc ban hành chương trình, nghị quyết mới phù hợp với giai đoạn 2016-2020 trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

III. XỬ LÝ ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 KHÔNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

- Từ nay đến hết năm 2015, các sở, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo để hoàn thành dứt điểm, đưa vào sử dụng các dự án đầu tư dở dang; không mở thêm các dự án đầu tư mới. Trường hợp một số ít dự án dở dang do lý do khách quan, chưa thể hoàn thành trong năm 2015, bố trí vốn đầu tư nguồn NSNN và các nguồn vốn khác giai đoạn 2016 - 2020 để hoàn thành dứt điểm dự án hoặc các hạng mục quan trọng của dự án đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả.

- Các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình chuyển sang nhiệm vụ thường xuyên và bố trí trong ngân sách của các sở, ngành và ngân sách trong cân đối của địa phương để thực hiện.

C. TIẾN ĐỘ, PHÂN CÔNG TỔ CHỨC TRIỂN KHAI LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

I. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Trước ngày 30 tháng 9 năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các sở, ngành và địa phương đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015, bao gồm cả đánh giá tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu chính phủ, các chương trình, nghị quyết HĐND tỉnh và xây dựng mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

2. Căn cứ Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của sở, ngành và địa phương mình quản lý trước ngày 30 tháng 9 năm 2014.

3. Các sở, ngành và địa phương tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét và hoàn chỉnh kế hoạch gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 20 tháng 10 năm 2014. UBND cấp huyện quy định cụ thể nội dung, tiến độ việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư công đối với UBND cấp xã.

4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định Kế hoạch đầu tư công trung hạn của các sở, ban, ngành trước ngày 10 tháng 11 năm 2014; đồng thời lập kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020, trình UBND tỉnh xem xét trước ngày 20 tháng 11 năm 2014.

5. UBND tỉnh báo cáo Ban thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước 31 tháng 12 năm 2014.

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TIẾN ĐỘ ĐỀ XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU SỬ DỤNG VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015:

a) Các cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu tổ chức đánh giá tình hình triển khai thực hiện theo quy định tại mục I, phần B trên đây gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chủ trì quản lý chương trình trước ngày 30 tháng 9 năm 2014.

b) Cơ quan chủ trì, quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu tổ chức đánh giá tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015 và đề xuất hai chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 (nếu có) gửi Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trước ngày 05 tháng 10 năm 2014.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015 và dự kiến kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu báo cáo UBND tỉnh cho ý kiến và hoàn thiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 10/10/2014.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì hướng dẫn việc triển khai thực hiện Chỉ thị này.

b) Rà soát và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn của cả tỉnh 5 năm 2016 - 2020 báo cáo UBND tỉnh theo đúng thời gian quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh các biện pháp cần thiết xử lý đối với các tồn tại của các dự án sử dụng vốn đầu tư công trong giai đoạn 2011 - 2015 nhưng phải giãn tiến độ thực hiện.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định nguồn thu và cân đối thu chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, trong đó bảo đảm chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước ở mức hợp lý và các cân đối tài chính có liên quan trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30 tháng 9 năm 2014.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn.

3. Các sở, ngành được giao chủ trì thực hiện các Chương trình MTQG, hỗ trợ có mục tiêu của Chính phủ bám sát nội dung yêu cầu, hoàn thành việc lập, đăng ký kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 với bộ, ngành trung ương đúng thời gian quy định. Thường xuyên liên hệ với Bộ, ngành trung ương, đặc biệt là các cơ quan chủ quản Chương trình MTQG, chương trình hỗ trợ có mục tiêu của Chính phủ để nắm bắt tình hình, kịp thời xử lý các phát sinh, vướng mắc đảm bảo các chương trình, dự án của tỉnh được đăng ký thuận lợi nhất trong giai đoạn 2016-2020.

4. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện để bảo đảm việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 có chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả

Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Chỉ thị này và theo dõi, đôn đốc báo cáo UBND tỉnh tình hình, tiến độ triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020./.

Nơi nhận:
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CPCT, CPVP;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Báo VP, Đài PTTH VP ; cổng TTĐT;
- CVNCTH;
- Lưu VT,

(L b).

CHỦ TỊCH

Phùng Quang Hùng